

Số: 1883/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 111/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức, quản lý tổng công ty nhà nước và chuyển đổi tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập, công ty mẹ là công ty nhà nước theo hình thức công ty mẹ - công ty con hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1882/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án chuyển Tổng công ty Đường sắt Việt Nam sang hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con;

Xét đề nghị của Hội đồng quản trị Tổng công ty Đường sắt Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (gọi tắt là Đường sắt Việt Nam) trên cơ sở tổ chức lại cơ quan quản lý, điều hành của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, các đơn vị hạch toán phụ thuộc, chi nhánh, các ban quản lý dự án và các đơn vị sự nghiệp:

1. Đường sắt Việt Nam là công ty nhà nước, có tư cách pháp nhân, con dấu, Điều lệ tổ chức và hoạt động; được mở tài khoản tiền đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; trực tiếp thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác; có trách nhiệm kế thừa các quyền và nghĩa vụ pháp lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Tên đầy đủ: Tổng công ty Đường sắt Việt Nam,

- Tên gọi tắt: Đường sắt Việt Nam (ĐSVN).

- Tên giao dịch quốc tế: Vietnam Railways, viết tắt là VNR

3. Trụ sở chính: 118 đường Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

4. Đường sắt Việt Nam có vốn và tài sản riêng, tự chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ bằng toàn bộ tài sản của mình theo quy định của pháp luật.

Vốn điều lệ của Đường sắt Việt Nam là vốn chủ sở hữu của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 sau khi đã kiểm toán.

5. Ngành, nghề kinh doanh của Đường sắt Việt Nam:

- Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế;
- Đại lý và dịch vụ vận tải;
- Quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;
- Tư vấn, khảo sát, thiết kế, chế tạo, đóng mới và sửa chữa các phương tiện, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí;
- Tư vấn, khảo sát, thiết kế, xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng, thực phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, du lịch, khách sạn;
- Xuất nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ viễn thông và tin học;
- In ấn;
- Kinh doanh xăng, dầu, mỡ bôi trơn của ngành đường sắt;
- Xuất khẩu lao động;
- Các ngành, nghề khác theo quy định của pháp luật.

6. Cơ cấu quản lý và điều hành của Đường sắt Việt Nam gồm:

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

7. Cơ cấu tổ chức Đường sắt Việt Nam tại thời điểm thành lập gồm:

- Văn phòng Đường sắt Việt Nam;
- Văn phòng đại diện Đường sắt Việt Nam tại Đà Nẵng;
- Trung tâm Điều hành Giao thông vận tải đường sắt;
- Ban Quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Công ty Sứ kéo Đường sắt (đổi tên từ Liên hiệp Sứ kéo Đường sắt);

- Công ty Vận tải hành khách Đường sắt Hà Nội;
- Công ty Vận tải hành khách Đường sắt Sài Gòn;
- Công ty Vận tải hàng hóa Đường sắt;
- Công ty In Đường sắt;
- Xí nghiệp In Đường sắt Sài Gòn;
- Trường Cao đẳng nghề đường sắt;
- Trung tâm Y tế dự phòng đường sắt;
- Báo Đường sắt.
- Ban Quản lý Dự án Đường sắt (RPMU);
- Ban Quản lý Dự án Đường sắt khu vực I;
- Ban Quản lý Dự án Đường sắt khu vực II;
- Ban Quản lý Dự án Đường sắt khu vực III;
- Ban Quản lý Dự án Nhà điều hành sản xuất, văn phòng cho thuê, và chung cư 31 Láng Hạ - Hà Nội;
- Ban Quản lý dự án xây dựng trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê của Đường sắt Việt Nam tại 136 Hàm Nghi, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

8. Các công ty con, công ty liên kết có cổ phần hoặc vốn góp của Đường sắt Việt Nam gồm:

a) Công ty con chuyên làm nhiệm vụ công ích đường sắt do Đường sắt Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ gồm:

- Công ty Quản lý đường sắt Hà Hải;
- Công ty Quản lý đường sắt Hà Thái;
- Công ty Quản lý đường sắt Yên Lào;
- Công ty Quản lý đường sắt Hà Lạng;
- Công ty Quản lý đường sắt Vĩnh Phú;
- Công ty Quản lý đường sắt Hà Ninh;
- Công ty Quản lý đường sắt Thanh Hóa;
- Công ty Quản lý đường sắt Nghệ Tĩnh;
- Công ty Quản lý đường sắt Quảng Bình;
- Công ty Quản lý đường sắt Bình Trị Thiên;
- Công ty Quản lý đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng;
- Công ty Quản lý đường sắt Nghĩa Bình;
- Công ty Quản lý đường sắt Phú Khánh;

- Công ty Quản lý đường sắt Thuận Hải;
- Công ty Quản lý đường sắt Sài Gòn;
- Công ty Thông tin tín hiệu đường sắt Hà Nội;
- Công ty Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang;
- Công ty Thông tin tín hiệu đường sắt Vinh;
- Công ty Thông tin tín hiệu đường sắt Đà Nẵng;
- Công ty Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn.

b) Công ty con là công ty hạch toán độc lập do Đường sắt Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ: Công ty Xe lửa Dĩ An.

c) Các công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên gồm:

- Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Giao thông vận tải;
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị đường sắt;
- Công ty cổ phần Vật tư đường sắt Đà Nẵng;
- Công ty cổ phần Vật tư đường sắt Sài Gòn;
- Công ty cổ phần Đá Đồng Mỏ;
- Công ty cổ phần Vận tải và thương mại đường sắt;
- Công ty cổ phần Toa xe Hải Phòng;
- Công ty cổ phần Cơ khí đường sắt Đà Nẵng;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên Khách sạn Sài Gòn.

d) Các công ty liên kết gồm:

- Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và xây dựng Giao thông vận tải;
- Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và xây dựng đường sắt;
- Công ty cổ phần Công trình đường sắt;
- Công ty cổ phần Công trình 6;
- Công ty cổ phần Công trình 2;
- Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Công trình 3;
- Công ty cổ phần Đầu tư công trình Hà Nội;

- Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng công trình 1;
- Công ty cổ phần Xây dựng công trình Đà Nẵng;
- Công ty cổ phần Vĩnh Nguyên;
- Công ty cổ phần Viễn thông tín hiệu đường sắt;
- Công ty cổ phần Xây lắp và cơ khí cầu đường;
- Công ty cổ phần Vật liệu và xây dựng đường sắt phía Nam;
- Công ty cổ phần Đá Chu Lai;
- Công ty cổ phần Đá Mỹ Trang;
- Công ty cổ phần Sài Gòn Hoà xa;
- Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải Đường sắt;
- Công ty cổ phần Dịch vụ du lịch đường sắt Hà Nội;
- Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải đường sắt khu vực 1;
- Công ty cổ phần Khách sạn Hải Vân Nam.

9. Mọi quan hệ giữa Đường sắt Việt Nam với chủ sở hữu nhà nước và các đơn vị thành viên được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Đường sắt Việt Nam.

Điều 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc của Đường sắt Việt Nam.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo và theo dõi thực hiện Quyết định này.
2. Bộ Tài chính: xác định mức vốn điều lệ của Đường sắt Việt Nam theo đề nghị của của Hội đồng quản trị Đường sắt Việt Nam.
3. Hội đồng quản trị Đường sắt Việt Nam:
 - Tổ chức thực hiện Quyết định này theo quy định hiện hành;
 - Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Đường sắt Việt Nam;
 - Ban hành Quy chế quản lý tài chính của Đường sắt Việt Nam sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng các Bộ: Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Hội đồng quản trị Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và Hội đồng quản trị Đường sắt Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, KTN, TKBT;
- Lưu Văn thư, ĐMDN (5b). XH 40



Nguyễn Tấn Dũng